

Bản án số: 38/2023/HNGĐ -ST

Ngày 17/7/2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hoàn

2. Bà Đỗ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐSXST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Trần Thị Th**, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện X, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* anh **Lương Văn T**, sinh năm 1977

Nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã T, huyện X, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(chị Th và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày: chị và anh Lương Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là xã T), huyện Kiến Xương vào ngày 26/01/2003. Anh, chị chung sống đến khoảng năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong cách sống nên sống ly thân từ đó đến nay, anh T đi làm lao động tự do thỉnh thoảng có liên hệ với chị để hỏi thăm con. Xác định không còn tình cảm, không trở về đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có hai con chung là Lương Thị Thu Ph, sinh ngày 12/7/2003 và Lương Quốc C, sinh ngày 25/3/2006. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con C, không yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi con,;con Thu Ph đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị làm lao động tự do thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/ tháng. Con Lương Quốc C có nguyện vọng được ở với chị Th.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có. Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 01/6/2023 bị đơn anh Lương Văn T trình bày về thời gian kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị Th khai. Anh xác định không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương giải quyết việc ly hôn của anh và chị Th.

Về con chung: anh và chị Th có hai con chung như chị Th khai, anh nhất trí với ý kiến của chị Th về việc giải quyết con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có. Do công việc nhiều, đi lại khó khăn anh đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại UBND xã T, huyện Kiến Xương như nội dung các đương sự trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Lương Văn T. Giao con chung Lương Quốc C cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi con, con Thu Ph đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có. Về án phí chị Trần Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Chị Trần Thị Th và anh Lương Văn T đều đề nghị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là xã T), huyện Kiến Xương là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Khoảng năm 2013 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nên đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị Th xin ly hôn anh T nhất trí, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Th, quan điểm của Kiểm sát viên, xử cho chị được ly hôn anh T.

[5] Về quan hệ con chung: con Thu Ph đã trưởng thành, con Quốc C ở với chị Th từ khi anh, chị sống ly thân, anh T thường xuyên vắng nhà nên giao con chung Quốc C cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con chung và các bên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi con; anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[6] Về quan hệ tài sản chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

[7] Về án phí: chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Lương Văn T.

2. Về quan hệ con chung: giao con chung Lương Quốc C, sinh ngày 25/3/2006 cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi con; anh T có quyền thăm nom con chung. Anh T và chị Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp

luật. Con Lương Thị Thu Ph đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không đặt ra giải quyết.

3. **Về tài sản chung:** các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

4. **Về án phí:** chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001898 ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, chị Th đã nộp đủ án phí

5. **Về quyền kháng cáo:** các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ